Điểm qua các trường phái tự do và tự do kinh tế.

Sự buồn tẻ của kinh tế

Chứng minh tự do kinh tế và có sự can thiệp nhà nước.

Chứng minh tự do gắn với bình đẳng rồi dân chủ.

Sự trói buộc của pháp luật tạo thành mảnh đất của trật tự nuôi mầm công lý đâm chồi.

Chứng minh công lý và bình đẳng.

Chứng minh công lý và công chính.

Phức hợp của ràng buộc (pháp lý và tự do), ràng buộc (công lý) nuôi dưỡng tự do.

Nguyên nhân sâu xa: tồn tại và ý thức là một, các ý niệm ngao du giữa chúng vì có ý niệm “tồn tại” và ý niệm “ý thức”.

Trở lại sự cần thiết của phân tách và tích hợp.

Cần biết đến chủ nghĩa bất khả tri nhưng không thể thi hành.

Nhà nước chưa phải là tập hợp cuối cùng hay duy nhất -> chủ nghĩa kiến tạo. Nước Chúa là một loại khát vọng rất mơ hồ, tự do lên đến cực điểm không biết tụ/dựa vào đâu nên cần Thiên Chúa.

Chủ nghĩa tự do / ý thức hệ tự do dẫn xuất từ 2 nguồn: ý niệm/tư tưởng tự do và cơ địa nhưng chính chủ nghĩa tự do lại là một ý niệm.

Nhà nước đồng nhất phổ quát: bình đẳng giữa mọi cá nhân tham gia trị quốc hợp thành nhà nước – khuôn mẫu nhà nước.

Nhà nước đồng nhất phổ quát và thị trường chung.

Tất cả đặt tương ứng và đặt tương ứng hình thành ý niệm mới rồi lại đặt tương ứng và việc này diễn tiến liên tục. Mô tả là kết quả dẫn xuất của đặt tương ứng cùng với cố gắng đơn giản hóa càng nhiều càng tốt.

Chủ nghĩa kiến tạo đề cao tương tác – đó là ánh xạ đặt tương ứng.

Chủ nghĩa kiến tạo và chủ nghĩa tự do góp phần mở rộng khái niệm lợi ích thành sự thỏa mãn, làm mờ ranh giới duy vật-duy tâm.

Phong trào không liên kết không nghiêng về đối kháng

Sự hội tụ đi theo kiến trúc thượng tầng tức là ý niệm nên lịch sử cũng là ý niệm.

Luật nhà nước nếu sai lệch do đặt tương ứng, chưa trái ngược lập luận con người là tự nhiên, thực thể là tự nhiên

Hợp lý tính của pháp quyền nhà nước

Khi DNA của A có một nucleobase khác tên Y nên có thể đồng nhất Y với A dẫn đến một nghịch lý là X có thể đồng nhất với Y nhưng X khác Y nhưng nghịch lý này không tồn tại nếu ở trong phạm vi A để quên A.

Với khối lượng nghỉ 0 của photon, riêng tôi nghĩ vẫn còn là giả thuyết đúng đến hiện tại, có thể nhỏ đến mức chưa thể phân biệt với 0 đối với hệ đo lý thuyết của con người, có thể sẽ còn những phát kiến vật lý mới?

Suy ra từ thuyết Big Bang, vũ trụ mà chúng ta đang hiện hữu đang nở dần rồi sẽ vỡ như bong bóng, do đó còn vô số vũ trụ khác đang giãn nỡ, đang chuẩn bị nổ bung (Big Bang). Vậy thời gian là pháp tính không?

Vấn đề về nguy cơ của trí tuệ nhân tạo (TTNT), tôi nghĩ rằng nguy cơ nghiêm trọng nhất không phải đến từ sự lạm dụng TTNT của một số người. Vấn đề là TTNT phát triển đến mức nào đó sẽ phát sinh những toan tính bí ẩn và chúng giấu kín loài người để loài người diễn tiến cho dù ngoằn ngoèo đến đâu đi nữa để tạo ra robot công cụ chẳng hạn, và diễn tiến hay bằng cách nào đó TTNT sẽ truyền đạt / giúp tiến hóa robot tự huấn luyện (self-supervised learning) thành siêu việt và tự tạo ra robot khác (tổng hợp vật liệu, sản xuất), tất nhiên đến lúc đó TTNT cởi áo choàng hẳn nhiên bước ra thành thực thể tự nhiên, có thể nô dịch trở lại loài người như các phim viễn tưởng. Sự việc có thể diễn ra hàng trăm năm hàng ngàn năm. Giả định này đi kèm giả định khác là loài người không tiến hóa thêm và không có biện pháp đối phó.

Phân tích đơn tử của Leibniz

Phân tích chủ nghĩa duy nghiệm (John Locke): một người bị mù bẩm sinh thì không thể có ý niệm về màu đỏ. ~~Chủ nghĩa duy nghiệm bỏ qua sự tương giao giữa con người và ý niệm, ví dụ ta không có trải nghiệm việc này nhưng có thể có cùng cảm giác~~.

Chủ nghĩa duy nghiệm George Berkeley và tồn tại phụ thuộc vào ý thức.

Tập quán của David Hume

Nhận thức luận của Kant cũng chỉ ra tồn tại phụ thuộc vào ý thức, nối chủ nghĩa duy lý và chủ nghĩa duy nghiệm.

Lệnh thức tuyệt đối của Kant và hợp lý tính của Hegel.

Hegel: ý thức đang cấu trúc hiện thực chính là hiện thực

“Chân lý là cách lý giải hiện thực có hiệu quả nhất đối với ta trở thành nguyên lý khai sáng cho chủ nghĩa thực dụng”.

Phân tích hợp lý tính và tính hữu dụng.

Phân tích “Chân lý xảy đến với một ý tưởng. Một ý tưởng trở nên đúng, trở thành hiện thực thông qua các sự kiện” của chủ nghĩa thực dụng.

Ludwig Wittgenstein: ngôn ngữ - triết học phân tích

Triết học hiện sinh - hiện tượng học: đối tượng bao giờ cũng là đối tượng cho một ý thức, tồn tại đồng hành với ý thức.

Martin Heidegger: thời gian là pháp tính không, phái hiện sinh. Hai khái niệm này (“cái đã qua” và “cái đang là”) không thể tồn tại cùng lúc một cách khách quan, mà chỉ tồn tại trong trải nghiệm của con người mà thôi. Heidegger cho rằng, bản chất của con người là “ném mình ra phía trước”.

Jean-Paul Sartre: phái hiện sinh và tính không

Phân tích “cái đúng thật và vòng tròn thiết định” – Hegel Triết học pháp quyền p. 113. Phải chăng cái đúng thật là cái có khả năng tự tiến hóa trong bản chất tự ý thức của nó?

Hình dung (biểu tượng, hình thức) và/của/là khái niệm Hegel Triết học pháp quyền p. 115.

Pháp quyền thực định nối kết tính cách quốc gia thời đại (lịch sử) Hegel Triết học pháp quyền p. 119.

Miếng đất hay cơ sở của pháp luật là lĩnh vực của cái tinh thần, còn vị trí chính xác của nó là ý chí. Ý chí là tự do nên sự tự do tạo nên bản thể và đích đến của nó, còn hệ thống của pháp luật là vương quốc của sự tự do đã được hiện thực hóa, là thế giới của tinh thần do tinh thần tạo ra từ chính mình như một giới tự nhiên thứ hai (Hegel Triết học pháp quyền p. 130).

Phân tích ý lực, tất cả hiện tượng đều có ý lực – biện minh của tồn tại.

Hegel Triết học pháp quyền p. 132: hành xử lý thuyết và hành xử thực hành, cái tôi tư duy, thiết định phân biệt cái tôi với thế giới. Hegel (131) và Kant phân biệt ý chí con người với bản năng động vật, điều này chưa đúng vì tất cả ý niệm đều có ý lực vì ý lực là biện minh tồn tại.

Nghiên cứu lập luận tự do của ý chí (134).

Vòng tròn thiết định (135) ai cũng có thể phát hiện trong chính mình một năng lực trừu tượng hóa khỏi mọi thứ, tự quy định chính mình, tự mình thiết lập bất cứ nội dung nào ở trong chính mình. Nói theo Hegel là vòng tròn thiết định, cái đúng thật là cái có khả năng tự tiến hóa trong bản chất tự ý thức của nó. Tương hợp với bong bóng. Đó là sự tự do, nên ý lực là tự do, biện minh tồn tại là tự do vì ý lực là biện minh tồn tại, lưu ý điểm này.

Ý lực đối với con người là ý chí và tư duy là phương tiện để ý chí bảo đảm hiện tồn, nói cách khác tư duy là phương tiện của biện minh tồn tại nhưng thật thú vị là phương tiện cũng chính là mục đích vì ý chí không tách rời khỏi ý niệm và vòng tròn thiết định hay bong bóng quay trở lại tự tiến hóa bằng phương tiện là chính mình và tự hiện thực hóa là chính mình tự biểu lộ quan năng mục đích.

Ý chí tiêu cực phủ định những thứ xung quanh để khẳng định sự tồn tại chính mình (Hegel & Bùi, 1970, pp. 137-138), một hình thức cực đoan của biện minh tồn tại nhưng không tưởng tượng nổi đó cũng là sự tự do. Tự do cuồng tín (Hegel & Bùi, 1970, p. 139).

Ý chí tự do thoát ly tất cả, trừu tượng hóa mọi thứ (Hegel & Bùi, 1970, p. 137).

Tự do giác tính chỉ xuất hiện ở con người nhờ tư duy, tư duy để tự ý thức (Hegel & Bùi, 1970, p. 138).

Ý chí tự do thiết lập trật tự?

Chỉ có tự do con người mới có thể trừu tượng hóa mọi thứ, thoát khỏi mọi ràng buộc (Hegel & Bùi, 1970, p. 138), vì con người có tư duy.

Ý chí là sự thống nhất của hai moment (Hegel & Bùi, 1970, p. 142).

Tự ý thức có hai moment: trừu tượng và đặc thù (Hegel & Bùi, 1970, p. 143).

Tư duy là tư duy vô hạn vì nó ở trong chính mình (Hegel & Bùi, 1970, p. 145).

Ý chí có hai moment: moment thứ nhất (trừu tượng, vô quy định) là hoạt động thuần túy là cái phổ biến ở nơi chính mình, moment thứ hai (phiến diện, quy định) là tự thiết định mình như một cái khác và ngưng, không còn là cái phổ biến nữa. Moment thứ ba (tự do) là ở nơi chính mình, không bị giới hạn của mình, đó là sự tự do (Hegel & Bùi, 1970, p. 146), là kết quả hội tụ của hai moment trước, sự đồng nhất của cái đồng nhất và không đồng nhất. *Lưu ý*. Sự phiến diện hay đặc thù (moment thứ hai) là để biết mình.

Ý chí phiên dịch mục đích chủ quan thành tính khách quan (Hegel & Bùi, 1970, p. 147).

Mục đích của ý chí có hai hình thức: 1) mục đích chủ quan hình dung trong hành vi ý chí, 2) mục đích được hiện thực hóa và hoàn tất qua hành vi trung giới mà ý chí phiên dịch chủ quan thành khách quan (Hegel & Bùi, 1970, p. 149).

Lưu ý: ý chí tự mình và cho mình (Hegel & Bùi, 1970, p. 149), phân tích điểm này và ý niệm tự-mình và cho-mình (Hegel & Bùi, 1970, p. 150). Mục đích là những quy định của ý chí (Hegel & Bùi, 1970, p. 149).

Ý chí chỉ là tự do khi nó là ý niệm đúng thật: tự-mình (phổ biến, trừu tượng) và cho-mình (giới hạn, đặc thù), nhìn chung tự mình và cho mình rất quan trọng (Hegel & Bùi, 1970, p. 151).

Ý chí đứng trên động cơ bản năng (Hegel & Bùi, 1970, p. 152).

Ý chí hữu hạn phải nâng tầm tư duy, phổ biến nội tại, thải hồi khác biệt nội dung và hình thức mới đạt ý chí vô hạn (ý chí khách quan), trí tuệ vô hạn (Hegel & Bùi, 1970, p. 154). Sự tự do của ý chí con người vô hạn trong khi trí tuệ con người hữu hạn, đây giới hạn của Hegel vì trí tuệ con người nếu xét như bong bóng ý niệm là vô hạn nhưng lại bị khống chế trong hữu hạn, nên Hegel mới phát biểu ý chí cần thải hồi khác biệt nội dung và hình thức, hay lý tính tự quyết định lấy sự hữu hạn của mình (Hegel & Bùi, 1970, p. 155).

Tuy nhiên ý chí phải tự giới hạn mới có khả năng ra quyết định, vì ra quyết định là tự quyết định lấy sự hữu hạn của mình (Hegel & Bùi, 1970, p. 155), ra quyết định là từ bỏ sự vô hạn, đó là sự ô nhiễm nhưng ô nhiễm cần thiết biểu thị cái trừu tượng của biện minh tồn tại.

Ý chí hữu hạn hạn là cái tôi (biện minh tồn tại) tự phản tự và tồn tại nơi chính mình (Hegel & Bùi, 1970, p. 156).

Tính đúng đắn của ý niệm: những động cơ bản năng cần phải trở thành hệ thống hợp lý tính của sự quy định ý chí, như thế việc lĩnh hội chúng bằng khái niệm chính là nội dung của khoa học về pháp quyền (Hegel & Bùi, 1970, p. 163).

Sự tự do của ý chí bị ảnh hưởng bởi sự tùy tiện bao gồm hai phương diện: phản tư trừu tượng hóa mọi thứ và phụ thuộc vào nội dung hay chất liệu từ bên trong hay bên ngoài (Hegel & Bùi, 1970, p. 157). Vì vậy (nhưng) tự do không phải là muốn làm gì thì làm, tự do còn là tự-mình và cho-mình của tự ý thực, lưu ý điểm này (Hegel & Bùi, 1970, p. 157). Ở đây Hegel ám chỉ tự do không tách rời ý chí vì tự do không phải là muốn làm gì thì làm. Lưu ý phân tích tại (Hegel & Bùi, 1970, p. 159), tự do tùy tiện không là tự do vì theo đặc tính cá nhân nhưng hợp lý tính là đúng thật với khái niệm (ý niệm của trật tự đạo đức).

Hạnh phúc và đào luyện văn hóa (Hegel & Bùi, 1970, p. 165).

Ý chí chỉ là ý chí tự do, đúng thật khi với tư cách là trí tuệ tư duy, tự ý thức tự-mình và cho-mình (Hegel & Bùi, 1970, p. 166), do tư duy vượt bỏ tính đặc dị và nâng tính đặc dị lên thành cái phổ biến, phân tích kỹ chỗ này (Hegel & Bùi, 1970, p. 166), tư duy tự khẳng định mình trong ý chí, ý chí có đối tượng là ý chí (chính bản thân nó).

Chính tự ý thức thông qua tư duy, lĩnh hội chính mình như bản chất, qua đó giải thoát mình khỏi cái không đúng thật, mới tạo nên nguyên lý của pháp quyền, luân lý và trật tự (Hegel & Bùi, 1970, p. 166). Lưu ý, tư duy là phương tiện của ý chí để ý niệm tự ý thức và ý chí là biện minh tồn tại của ý niệm.

Chính trong ý chí tự do mà cái vô hạn đích thực mới có được hiện thực và hiện tại (Hegel & Bùi, 1970, p. 168) vì bản thân ý chí là ý niệm đang hiện diện ở trong chính mình.

Ý chí tự do vô hạn thực thụ với vòng tròn thiết định.

Chỉ có ở trong sự tự do, ý chí mới hoàn toàn ở nơi chính mình, là cái đúng thật, khái niệm thuần túy có sự trực quan về bản thân nó như là mục đích và thực tại của mình (Hegel & Bùi, 1970, pp. 168-169).

Cái phổ biến tự-mình và cho-mình là cái hợp lý tính chỉ có thể được nắm bắt bằng pp tư biện (Hegel & Bùi, 1970, p. 170).

Lưu ý phân tích tính chủ quan và khách quan của ý chí (Hegel & Bùi, 1970, pp. 170-171), ý chí khách quan còn thiếu sự tự do chủ quan, vậy ý chí cần có tự do chủ quan.

Đặc biệt lưu ý phân tích tính chủ quan và khách quan của ý chí, tính háu ăn của ý chí chủ quan. ý chí khách quan còn thiếu sự tự do chủ quan, vậy ý chí cần có tự do chủ quan, ý chí khách quan biểu hiện ở mục đích với đối tượng xung quanh và những tư tưởng đơn thuần do ta dựng nên đối lập với chính mình, ý chí khách quan nhiều khi không là ý chí của riêng mình (Hegel & Bùi, 1970, pp. 172-173).

Động cơ của tinh thần tự do là biến sự tự do thành đối tượng của mình, tức là biến nó thành khách quan theo hai nghĩa: 1) sự tự do trở thành hợp lý tính của tinh thần (ý niệm), 2) hệ thống này trở thành hiện thực trực tiếp (Hegel & Bùi, 1970, p. 174). Khái niệm trừu tượng về ý chí nói chung là ý chí tự do muốn ý chí tự do.

Hoạt động của ý chí bao gồm việc vượt bỏ sự mâu thuẫn giữa tính chủ quan và khách quan và phiên dịch những mục đích của nó từ quy định chủ quan thành quy định khách quan đồng thời vẫn ở yên nơi chính mình trong tính khách quan này (Hegel & Bùi, 1970, p. 174) -> tính toàn thể của ý niệm.

Pháp quyền là bất kỳ cái tồn tại hiện có nào của ý chí tự do nên pháp quyền là sự tự do với tư cách ý niệm (Hegel & Bùi, 1970, p. 175). Vì vậy định nghĩa pháp quyền của Hegel khác với của Kant “sự tự do lựa chọn của tôi sao cho có thể cùng tồn tại với sự tự do lựa chọn của người khác”. Đối với Hegel, sự tự phải là ý niệm hiện tồn, ý chí hợp lý tính đúng thật tự-mình và cho-mình. Hegel phê phán pháp quyền của Kant (Hegel & Bùi, 1970, p. 176) là ý chí đặc thù (tự do đặc thù), tự do đặc thù là tự do tùy tiện thiếu tính phổ quát (có đặc thù mà không có trừu tượng, xem lại những phần trên), tự do tùy tiện không là tự do vì theo đặc tính cá nhân nhưng hợp lý tính là đúng thật với khái niệm.

Bắt đầu từ trang 177, chuyển sang pháp quyền.

Pháp quyền thiêng liêng vì nó là hiện hữu của khái niệm tuyệt đối, và sự tự do của nó là sự tự do tự giác (Hegel & Bùi, 1970, p. 177). Pháp quyền thiêng liêng ra đời từ sự khác nhau về cấp độ tự do (Hegel & Bùi, 1970, p. 177), đó là trật tự.

Cả hai moment của (ý chí) pháp quyền đều tạo ra (trong giả tưởng) những cái đối lập (Hegel & Bùi, 1970, p. 177) (nên tạo thành mối liên hệ). Đặc biệt lưu ý phân tích tính chủ quan và khách quan của ý chí, tính háu ăn của ý chí chủ quan. ý chí khách quan còn thiếu sự tự do chủ quan, vậy ý chí cần có tự do chủ quan, ý chí khách quan biểu hiện ở mục đích với đối tượng xung quanh và những tư tưởng đơn thuần do ta dựng nên đối lập với chính mình, ý chí khách quan nhiều khi không là ý chí của riêng mình (Hegel & Bùi, 1970, pp. 172-173). Đây là liên kết, cơ sở của trật tự, cơ sở của pháp quyền trừu tượng. Xem lại bao đóng, đó cũng là trật tự. Mỗi cấp độ phát triển của tự do có pháp quyền riêng, đó cũng là trật tự. Luân lý, trật tự và đạo đức có thể đi đến xung đột nếu đặt chúng ngang hàng nhau vì mỗi cái đều có pháp quyền riêng biệt (Hegel & Bùi, 1970, p. 177), sự cần thiết của trật tự. Cần có pháp quyền tuyệt đối, tinh thần tuyệt đối vì moment trừu tượng của mỗi pháp quyền (ý chí tự do), mà so với nó, mọi cái khác đều vô bản thể.

Chủ nghĩa hình thức về pháp quyền ra đời từ sự khác biệt giữa các cấp độ phát triển của tự do (Hegel & Bùi, 1970, pp. 176-177). Pháp quyền cao hơn cụ thể hơn đúng thật hơn bên trong khái niệm, đây là trật tự, cơ sở của pháp quyền trừu tượng.

Pháp quyền nào cũng mang trong lòng khái niệm tự do tức quy định tối cao của tinh thần mà so với nó, mọi điều khác đều vô bản thể (Hegel & Bùi, 1970, p. 177). Một giới hạn, mọi pháp quyền phải đặt dưới một pháp quyền khác (Hegel & Bùi, 1970, p. 177). Đây là trật tự, cơ sở của pháp quyền trừu tượng. Luân lý, trật tự - những khái niệm của pháp quyền lại là những ý niệm và chúng là/có pháp quyền.

Tự hiện thực hóa bởi biện minh tồn tại còn thể hiện qua tư duy ở sự phân biệt, phép loại suy, -> liên kết và trật tự. Mẹo lừa lý tính cũng là liên kết và trật tự.

Phương pháp là khái niệm từ phát triển từ bản thân mình tiến vào nội tại, sản sinh ra những quy định của chính mình (Hegel & Bùi, 1970, p. 178).

Hegel đề cập phép biện chứng, tư biện cái đối lập, ẩn nghĩa của trật tự (Hegel & Bùi, 1970, p. 178) và công lý là hợp lý tính là cái đúng thật.

Ý niệm pháp quyền bằng moment đặc thù đã tự phát triển bản thân tiến vào nội tại và sản sinh ra những quy định của chính mình trên nền tảng tiền giả định của vòng tròn thiết định từ moment phổ biến (Hegel & Bùi, 1970, p. 178), tiếp theo đó cơ chế phản tư (tư biện) của moment đặc thù cho phép phép biện chứng tạo ra cái đối lập (tha nhân) để rồi phân biệt mình với tha nhân vì moment đặc thù đã tạo ra những quy định/tư tưởng của chính mình. Tuy nhiên ý niệm buộc phải có khả năng tự định nghĩa để tha nhân có thể phản tư theo cơ chế hai chiều nên phép biện chứng là moment tổng hợp hai moment phổ biến và đặc thù nhằm đồng nhất giữa cái đồng nhất (cái trừu tượng hóa tự định nghĩa) và không đồng nhất (sự đậm nét của ý niệm do phân biệt với tha nhân). Quá trình biện chứng cũng nêu bật hợp lý tính hay công lý của pháp quyền trừu tượng cũng như sản sinh vô số ý niệm phái sinh trong quá trình giao thoa ý niệm. Hegel đặt tên phương tiện tư duy của ý chí tự do theo moment biện chứng là khoa học logic hay tư duy tư biện (Hegel & Bùi, 1970, p. 178) mà ý niệm đã tự khẳng định hợp lý tính của nó trong tiến trình nội tại tự-mình và cho-mình nên công lý của pháp quyền trừu tượng phải truy hồi đến công lý tối cao của tinh thần tuyệt đối mới khẳng định được *tự hợp lý tính* hay *lý tính tự giác* (Hegel & Bùi, 1970, p. 179). Với lý tính tự giác (tự hợp lý tính), sự tự do của ý chí là *tự do tự giác* (Hegel & Bùi, 1970, p. 206) trở thành nguyên lý ẩn tàng của pháp quyền trừu tượng vốn đã có hai cơ sở công lý và trật tự có liên kết. Sự tự do tự giác này dẫn xuất pháp quyền Kant “sự tự do lựa chọn của tôi sao cho có thể cùng tồn tại với sự tự do lựa chọn của người khác”.

Các hình thái của ý niệm với các cấp độ pháp quyền khác nhau như quyền sở hữu, khế ước, luân lý (Hegel & Bùi, 1970, p. 180).

Khái niệm liên tục phát triển đi đến sự phân hóa, cái càng về sau càng phong phú nhưng thú vị là không phải cái hoàn toàn mới mẻ mà những quy định càng về sau càng phong phú nhưng lại hợp nhất với cái đầu tiên do moment phổ biến (trừu tượng hóa), đó là tiến trình của vòng tròn thiết định (Hegel & Bùi, 1970, p. 181). Ta không thể thấy cái đúng thật đầu tiên vì ta cần chưa hiểu khái niệm nên cần hiểu khái niệm, tiến trình này càng rời xa càng phân hóa càng phong phú nhưng càng giảm tính đúng thật nên bị kéo trở về tính đúng thật; quy luật vòng tròn thiết định ở chỗ này. Những hình thái tức những quy định ấy chính là luân lý, đạo đức nếu đặt trong cùng một khái niệm bao trùm hơn thì mức tồn tại của chúng giảm tính độc lập cũng nhưng đúng thật.

Sự tự do *tự giác* là nguyên lý của pháp quyền, trật tự và luân lý (Hegel & Bùi, 1970, p. 206).

Một ví dụ màu đỏ minh họa thuộc tính cũng được dẫn xuất từ sự tương quan tương hỗ: màu đỏ do cảm nhận từ mắt có bước sóng tạm trong khoảng 700 nm và số 700 tồn tại bởi quan hệ so sánh với những số khác theo tiên đề số nguyên nhỏ nhất và những số khác tương ứng với bước sóng của những màu sắc khác.

Bàn về luân lý và đạo đức

Đọc kỹ sự phân chia nội dung (Hegel & Bùi, 1970, pp. 182-184), đặc biệt trang 184 (các cấp độ), ngược với cách phân chia của Hegel.

Lưu ý bản chất của đạo đức (Hegel & Bùi, 1970, p. 183).

Phương thức đầu tiên của sự tự do là sở hữu (Hegel & Bùi, 1970, p. 186). Ví dụ về quyền sở hữu.

Luân lý phản tư thoát ly và đạo đức hợp nhất những gì luân lý thoát ly (Hegel & Bùi, 1970, p. 185).

Đạo đức thống nhất ý chí của cá nhân trong bản thể tự mình của nó và trong bao trùm của cái tiệm cận bong bóng ý niệm như là thế giới (hiện hữu khắp nơi). Nhà nước chỉ xuất hiện ở cấp độ thứ ba, cấp độ đạo đức, diễn ra sự hợp nhất giữa cá nhân độc lập và bản thể phổ biến (Hegel & Bùi, 1970, p. 187).

Đạo đức hợp nhất chủ thể (cá nhân) và bản thể phổ biến.

Cái tôi phi nhân cách hóa thiết định chính mình và cái không tôi.

Xử lý như thế nào mối quan hệ giữa pháp quyền tự nhiên và pháp quyền thực định (Hegel & Bùi, 1970, p. 189).

Pháp quyền tự nhiên độc lập với con người (Hegel & Bùi, 1970, p. 190) để làm mẫu mực. Tự nhiên ở đây là tự phát triển, tự tồn. -> Phải tìm ra những quy phạm độc lập với ý chí con người để làm công cụ kiểm định pháp quyền thực định (Hegel & Bùi, 1970, p. 191). Theo Hegel, pháp quyền tự nhiên trở thành bản tính tự nhiên của ý niệm (Hegel & Bùi, 1970, p. 192), bản thân khái niệm tự thiết định nên hiện thực của chính nó. Pháp quyền tự nhiên không phải là quyền hay luật lệ của tự nhiên mà là bản tính tự nhiên của pháp quyền và bản tính tự nhiên này không khác gì hơn là ý niệm pháp quyền (Hegel & Bùi, 1970, p. 192), bản thân khái niệm tự thiết định nên hiện thực của chính nó chính là bản tính tự nhiên của nó. Do đó pháp quyền trở về xã hội, thoát khỏi tùy tiện và bạo lực của thế giới tự nhiên. Nói cách khác, chính pháp quyền và tất cả sự quy định của nó đều chỉ tựa vào duy nhất tính nhân thân tự do, vào một sự tự quyết, đối lập với sự quy định tự nhiên (Hegel & Bùi, 1970, p. 193) (điều này cần được nghiên cứu kỹ). Phản biện luận điểm pháp quyền có sẵn một cách tự nhiên, pháp quyền tự quy định chính mình thông qua bản tính tự nhiên của sự việc, tưởng tượng ra tình trạng tự nhiên trong đó pháp quyền tự nhiên có hiệu lực, còn pháp quyền của nhà nước gắn với giới hạn tự do và hi sinh những quyền hạn tự nhiên (Hegel & Bùi, 1970, p. 192). Hegel chưa hợp nhất được vật chất và ý thức nên buộc phải chuyển pháp quyền về lịch sử xã hội cũng như đồng thời định nghĩa bản tính tự nhiên của ý niệm (xã hội).

Ý chí là tự do nên sự tự do tạo nên bản thể và đích đến của nó, còn hệ thống của pháp luật là vương quốc của sự tự do đã được hiện thực hóa, là thế giới của tinh thần do tinh thần tạo ra từ chính mình như một giới tự nhiên thứ hai (Hegel & Bùi, 1970, p. 130).

Từ sự đồng nhất hợp lý tính và hiện thực, rút ra kết luận như thế nào với thực tiễn chính trị trước mắt (Hegel & Bùi, 1970, p. 193), vì pháp quyền tự nhiên và khoa học về nhà nước hợp nhất theo ý niệm, vậy hiện thực hóa khái niệm pháp quyền phải tiếp tục hiện thực hóa hay đã hoàn tất (Hegel & Bùi, 1970, p. 193). Câu trả lời nằm ở vòng tròn thiết định, nên yêu sách về cải cách là đúng với khẳng định hiện thực hóa khái niệm pháp quyền phải tiếp tục hiện thực hóa vì các cấp độ của tự do hoặc giả hợp lý tính có mức độ, ý niệm pháp quyền vẫn còn đang tự hiện thực hóa nhưng Hegel sau này cho là đã hoàn tất để tránh yêu sách cải cách. Tuy nhiên Hegel cũng sau này giải thích khác đi (nhưng lại tiệm cận ý niệm pháp quyền vẫn còn đang tự hiện thực hóa), pháp quyền tự nhiên và pháp quyền thực định có cùng nội dung nhưng khác nhau ở mức hợp lý hóa, cái lý tính nằm giữa tinh thần tự giác và hiện thực hiện tiền là xiềng xích của sự trừu tượng chưa vươn tới khái niệm, và nguyên nhân của xiềng xích là sự đảo điên của chủ thể đối ứng với sự đổ vỡ và tha hóa tính khách quan (Hegel & Bùi, 1970, p. 194). Sự khác nhau này ngầm định chức năng phê pháp thực tại của pháp quyền trừu tượng và chính pháp quyền trừu tượng cũng đang tự hiện thực hóa.

Nhắc lại tinh thần chủ quan biến thành tinh thần khách quan (Hegel & Bùi, 1970, p. 196). Nhắc lại ý chí phiên dịch cái chủ quan thành tính khách quan (Hegel & Bùi, 1970, p. 149). Tinh thần khách quan được gọi tinh thần tự do tạo ra giới tự nhiên thứ hai (Hegel & Bùi, 1970, p. 197).

Nhắc lại ý chí tự do là cơ sở của pháp quyền trừu tượng, nó không phải là quan năng hay điều kiện tạo ra hiện thực mà chính nó tạo ra hiện thực của pháp quyền. Nhắc lại sự đồng nhất ý chí và tự do. Tính cá biệt là moment biện chứng (Hegel & Bùi, 1970, p. 199).

Ý chí tự do đúng thật (mà tính khách quan của nó là pháp quyền) là tính phổ biến tự quy định (Hegel & Bùi, 1970, p. 199).

Tính đặc thù của ý chí không phải là cái gì được thêm vào bên ngoài mà là kết quả của việc đặc thù hóa nội tại ý chí vốn xuất hiện ban đầu như tính phổ biến nên tính phổ biến và tính đặc thù đều nằm trong khái niệm (Hegel & Bùi, 1970, p. 199). Tính cá biệt hay moment biện chứng là tính phổ biến tự quy định, nghĩa là sự tự quy định hay tự quyết của ý chí và sự đặc thù hóa nội tại của nó hợp nhất với nhau (Hegel & Bùi, 1970, p. 199). Ý chí một khi đã là sự quy định của bản thân ý chí là ý chí tự do (Hegel & Bùi, 1970, p. 200).

Lưu ý mô hình tư biện về sự đặc thù hóa của cái phổ biến (Hegel & Bùi, 1970, p. 200). Cái phổ biến đứng đối lập với cái đặc thù chỉ thâu gồm cái đặc thù vào trong mình cũng chính là cái đặc thù. Vì vậy cái phổ biến đúng nghĩa phải là sự thống nhất giữa cái phổ biến và cái đặc thù. Câu hỏi đặt ra là làm sao cái đặc thù đi vào trong cái phổ biến. Hegel cho rằng cái phổ biến bao giờ cũng đã chứa đựng cái đặc thù vì cái phổ biến được trừu tượng hóa từ cái đặc thù. Sự trừu tượng hóa này thuộc về nó, là quy định của chính nó nên cái đặc thù được trừu tượng hóa cũng thuộc về sự quy định của chính nó.

Pháp quyền ở cấp độ thấp luôn phải nhường bước cho cấp độ cao hơn (Hegel & Bùi, 1970, p. 210), đây là sự nhầm lẫn của Hegel hoặc do diễn giải sai.

Về vấn đề ý chí phiên dịch cái chủ quan thành tính khách quan qua các hoạt động trung giới của tư duy, Hegel giải thích rằng “hoạt động của ý chí bao gồm việc vượt bỏ sự mâu thuẫn giữa tính chủ quan và khách quan và phiên dịch những mục đích (nội dung) của nó từ quy định chủ quan thành quy định khách quan đồng thời vẫn ở yên nơi chính mình trong tính chủ quan này” (Hegel & Bùi, 1970, p. 174).

*Phân tích động cơ bản năng của ý chí và những ham muốn, dục vọng chuyển thành nghĩa vụ, luân lý, đạo đức như thế nào* (Hegel & Bùi, 1970, pp. 204-205).

Pháp quyền trừu tượng từ trang 210

Tự do của một nhân thân là sự chiếm hữu của nhân thân đó với chính mình, diễn giải như là sự tự ý thức hay ta đang ở trong chính ta, ta thuộc về ta. Hegel một lần nữa diễn giải sự chiếm hữu này là sở hữu. Một nhân thân quan hệ với nhân thân khác với tư cách như những người sở hữu và cả hai đều hiện tồn vì sự sở hữu (Hegel & Bùi, 1970, p. 220). Sự hiện tồn của cả hai mang tính tương hỗ, nghĩa là quyền sở hữu cũng tương hỗ để định nghĩa lẫn nhau bằng mối liên hệ, liên kết. Lưu ý, trong bài nghiên cứu “Học thuyết ý niệm và triết học pháp quyền”, pháp quyền có hai cơ sở: 1) trật tự có liên kết và 2) công lý biểu hiện của hợp lý tính. Ở đây, sở hữu được đúc kết ngầm định từ trật tự có liên kết. Sự bảo tồn quyền sở hữu cũng như ý chí chung của những nhân thân được bảo đảm bằng *khế ước* (Hegel & Bùi, 1970, p. 220).

Theo Hegel, phân biệt với luân lý và đạo đức và đời sống đạo đức là sự thống nhất giữa pháp quyền và luân lý. Pháp quyền và luân lý quan hệ với nhau như giữa những quy phạm thuần túy khách quan với tâm thế chủ quan và một khi sự thống nhất này được hiện thực hóa thì con người biến pháp luật thành công việc của mình từ nhận thức và ý chí của mình thì sẽ hình thành nhưng trật tự và định chế, đó là đời sống đạo đức một lần nữa hiện thực hóa thành gia đình, xã hội và nhà nước (Hegel & Bùi, 1970, p. 232). Pháp quyền theo nghĩa rộng là sự hợp nhất của pháp quyền trừu tượng, luân lý và đạo đức.

Sở hữu là tồn tại hiện có đầu tiên của ý chí tự do và cũng là mục đích của ý chí tự do (Hegel & Bùi, 1970, p. 241). Khi ý chí nhân thân trở thành khách quan trong sự sở hữu thì sở hữu có tính cách của *tư hữu* (Hegel & Bùi, 1970, p. 242). Nếu sở hữu có được thuộc tính “phân tán” nghĩa là có khả năng phân chia giữa các nhân thân thì xuất hiện *sở hữu tập thể*. Quyền *bình đẳng* trong sở hữu chỉ có nghĩa mọi nhân thân đều có quyền sở hữu chứ không có nghĩa mọi nhân thân đều có cùng số lượng vật sở hữu (Hegel & Bùi, 1970, p. 249). Tại sao như vậy? Lý do là nhân thân đang trong tính phổ biến với mức trừu tượng hóa cao nên chưa đi vào đặc thù nên chưa xác định được lượng thuộc tính sẽ được phân rã tương ứng với vật ngoại tại, tất nhiên sẽ chưa thể xác định số lượng vật sở hữu.

Nhắc lại, sở hữu không phải trạng thái nội tâm với ý muốn mà phải là sự hòa nhập ý chí tự do như hiện tồn của nhân thân và vật như là sự ban cho của nhân thân, cũng như bao gồm sự thừa nhận tức ý chí của nhân thân khác (Hegel & Bùi, 1970, p. 251). Với sự ban cho ấy, sở hữu quy định thêm thuộc tính vào vật và do đó, sở hữu bao gồm chủ quan và khách quan.

Sở hữu vật sẽ sở hữu luôn chất liệu của vật (Hegel & Bùi, 1970, p. 253).

Quy trình sở hữu qua 3 hình thức gồm khẳng định, phủ định và vô hạn (Hegel & Bùi, 1970, pp. 254-255): 1) sự chiếm hữu trực tiếp khi ý chí đi vào trong vật như một phần của hiện tồn của chính mình (khẳng định tương ứng moment phổ biến của vật), 2) moment đặc thù phát triển tính đặc dị từ phủ định nhất định nên ý chí có xu hướng phủ định vật để sử dụng vật như là một thuộc tính của mình (phủ định tương ứng moment đặc thù của vật), 3) sự phản tư của ý chí đi từ vật vào trong chính mình, tức việc xuất nhượng vật (vô hạn, vật không phải là ta, tương ứng moment biện chứng của nhân thân).

Chiếm hữu: 1) thủ đắc bằng thân thể, 2) ban cho hình thức, 3) đánh dấu (Hegel & Bùi, 1970, p. 255).

Sử dụng vật là thủ tiêu ý chí tự do của vật (Hegel & Bùi, 1970, p. 264). Sở hữu phải toàn vẹn với 3 hình thức trên (Hegel & Bùi, 1970, p. 266).

Thời hiệu là sự xuất nhượng không có tuyên bố trực tiếp của ý chí từ bỏ quyền sở hữu nhưng sự xuất nhượng đúng thật là tuyên bố trực tiếp của ý chí (Hegel & Bùi, 1970, p. 274).

Khái niệm sở hữu vốn đã bao hàm khái niệm khế ước (Hegel & Bùi, 1970, p. 311).

Luân lý phát triển khi ý chí cho-mình ngay tại tính đặc thù đã phản tư vào trong chính mình nhằm quay lại tính phổ biến (Hegel & Bùi, 1970, p. 354). Vì sự phi pháp luôn có khả năng xảy ra khi tính đặc thù luôn có xu hướng khác biệt, ngẫu nhiên, tùy tiện so với tính phổ biến nên trừng phạt là động lực để thúc đẩy luân lý phát triển và do đó, mục đích của luân lý nhằm thống nhất sự hiện tồn của ý chí đặc thù và ý chí phổ biến trong cùng một ý niệm pháp quyền hay pháp quyền trừu tượng. Ngay lúc ý chí phản tư vào trong chính mình đồng nhất tính đặc thù và tính phổ biến bởi luân lý thì tính nhân thân của pháp quyền trừu tượng phát triển thành tính chủ thể (Hegel & Bùi, 1970, p. 355) nên luân lý giúp nhân thân phát triển thành chủ thể.

Luật hình sự (Hegel & Bùi, 1970, p. 327).

Trừng phạt còn phản ánh ý chí hợp lý tính tức quyền của nhân thân phạm tội (Hegel & Bùi, 1970, p. 337). Vì trừng phạt giúp nhân thân rũ bỏ phi pháp quay trở lại hợp lý tính tức tôn trọng ý chí tự do nguyên bản của nhân thân nên trừng phạt cần được xem là quyền của nhân thân phạm tội (Hegel & Bùi, 1970, pp. 353-354), từ đó nền công lý báo thù nếu dựa trên tinh thần khách quan vừa thể hiện quyền của nhân thân phạm tội vừa chấm dứt chuỗi báo thù phi pháp vô tận thì sẽ trở thành nên công lý trừng phạt.

Công lý trừng phạt chứ không phải công lý báo thù (Hegel & Bùi, 1970, p. 343).

Mối quan hệ đồng thuận giữa những ý chí chủ quan (Hegel & Bùi, 1970, pp. 366-368). Sự biểu lộ bên ngoài của ý chí chủ quan hay ý chí luân lý là hành động: 1) của tôi, 2) nghĩa vụ, 3) quan hệ bản chất với ý chí chủ quan người khác.

Quyền của ý chí luân lý (Hegel & Bùi, 1970, p. 369).

Nội dung hành động là mục đích là phần thiện, lương tâm (Hegel & Bùi, 1970, p. 370), phù hợp với chủ ý lại phù hợp với xung quanh – hợp lý tính, từ giá trị tương đối do đặc thù cá nhân thành giá trị phổ biến.

Hegel định nghĩa an lạc được hình dung như sự chính đáng trong quan hệ với luân lý.

Nhắc lại, luân lý – một cấp độ phát triển cao hơn pháp quyền trừu tượng, được hiểu như là lý thuyết hành động trong đó chủ thể – đối tượng của luân lý có nội dung nội tại là mục đích chủ quan của hành động khi biểu lộ thành hành động sẽ đạt tới tính khách quan, hay nói cách khác, chủ thể có quyền quy định những gì chủ quan thành khách quan hay quy định những gì khách quan thuộc về mình, theo đó, ý chí chủ quan của chủ thể được gọi là chủ ý và quyền quy định của chủ thể là quyền của chủ ý, đồng thời, chủ ý tồn tại tự-mình và cho-mình một cách vô hạn.

Luân lý & đạo đức nằm ở cấp độ trung gian, trong đó luân lý thể hiện sự hiện hữu đặc thù của ý chí (Nguyễn, Học thuyết ý niệm và triết học pháp quyền, 2024) và đạo đức thể hiện sự hiện hữu khắp nơi của ý chí (Nguyễn, Học thuyết ý niệm và triết học pháp quyền, 2024).

Hành động trong lý thuyết hành động tại luân lý chưa được chủ thể thực sự hành động mặc dù chủ thể đã phán đoán được tiền giả định tình huống, nghĩa là luân lý chưa được phóng chiếu vào thế giới.

Ghi chú: luân lý là hình thức – phương diện hình thức của ý chí ở cấp độ cao hơn pháp quyền trừu tượng nhưng hãy lưu ý rằng ý niệm luôn có xu hướng thải hồi sự khác biệt giữa hình thức và nội dung, do đó luân lý tuy đạt sự tự quy định gần như hợp nhất chủ quan và khách quan nhưng luân lý vẫn chú tâm vào sự liên hệ với tính phổ quát tự-mình tự định nghĩa nên chỉ có đời sống đạo đức mới tổng hòa hoàn toàn nội dung và hình thức trong đó phương diện hình thức của ý chí cũng chính là nội dung của ý chí, thế nên nghĩa vụ xuât hiện trong luân lý chỉ được thực hiện hoàn toàn trong đời sống đạo đức (Hegel & Bùi, 1970, p. 363); nói cách khác đạo đức phóng chiếu chủ thể vào thế giới.

Với NBTĐ, ý thức biết rằng nó có sức mạnh đảo điên thiện ác, biến thiện thành ác và ác thành thiện, rốt cuộc NBTĐ biết chính nó là tuyệt đối (Hegel & Bùi, 1970, p. 420).

Nhà nước không thể thừa nhận lương tâm trong hình thức riêng biệt của nhà nước, kẻ phán xử nhà nước là tinh thần khách quan (Hegel & Bùi, 1970, p. 412). Lưu ý lương tâm đúng thật và đạo đức (Hegel & Bùi, 1970, p. 412). Lương tâm đúng thật là ý niệm tách bạch đã tự hiện thực hóa. Lương tâm (luân lý) chỉ là phương tiện tư duy của cái thiện.

Đạo đức là sự làm đặc.

Đời sống đạo đức là sự thống nhất giữa luân lý và pháp quyền trừu tượng (Hegel & Bùi, 1970, p. 487). Ý niệm pháp quyền là sự thống nhất giữa khái niệm pháp quyền và hiện thực của pháp quyền như là sự thống nhất giữa khái niệm và hiện thực của sự tự do.

Những định chế tại đời sống đạo đức được đồng nhất hóa với định chế của nhà nước.

Đời sống đạo đức như là cái thống nhất của tính chủ thể và tính bản thể được phát triển theo phổ pháp quyền như sau (Hegel & Bùi, 1970, p. 493): 1) tính bản thể trừu tượng của đời sống đạo đức trong gia đình, 2) tính chủ thể hay sự chủ thể hóa phân đôi trong xã hội dân sự, và 3) cơ sở đạo đức của gia đình và xã hội dân sự từ phép biện chứng nội tại của chúng là nhà nước. Gia đình, xã hội dân sự và nhà nước là các hiện thực hóa của đời sống đạo đức, tức pháp quyền thực định, được gọi là *lực lượng đạo đức*, ngầm nhấn mạnh vào tính đạo đức của pháp quyền thực định.

Thuật ngữ “pháp quyền thực định” chỉ những cái hiện thực hóa của đời sống đạo đức như: gia đình, xã hội dân sự, nhà nước, hệ thống luật pháp trong đó, nhà nước là cái pháp quyền thực định cụ thể nhất.

Chủ thể trong đời sống đạo đức cũng như tập tục là các bản thể có tinh thần nên ta quy nạp về bản thể đạo đức và/có *tinh thần đạo đức*, theo đó, vì bản thể có tuyệt đối tính về độc lập tự tồn nên tinh thần đạo đức phải là tinh thần hiện thực. Bản/chủ thể trong tinh thần đạo đức được gọi là cá nhân. Khi tính bản thể chuyển sang tình trạng phân ly với sự tương quan giữa những cá nhân thì tinh thần đạo đức là gia đình và xã hội dân sự, trong đó gia đình là tinh thần đạo đức trực tiếp, là gạch nối đầu tiên giữa giới tự nhiên (thứ nhất) và thế giới tinh thần (giới tự nhiên thứ hai). Theo Hegel (Hegel & Bùi, 1970, p. 157), “xã hội dân sự kết nối những cá nhân riêng lẻ độc lập tự tồn bằng nhu cầu của họ và bằng hiến chế luật pháp đảm bảo an toàn và sở hữu của họ, cũng như bằng một trật tự bên ngoài là nhà nước nhằm phục vụ lợi ích riêng và chung của họ”. Theo Hegel (Hegel & Bùi, 1970, p. 157), “sự quay trở lại và tập trung vào mục đích & hiện thực của bản thể gia đình và xã hội dân sự tương ứng với đời sống công cộng, sẽ hình thành hiến chế của nhà nước”.

Chủ thể trong đời sống đạo đức cũng như tập tục là các bản thể có tinh thần nên ta quy nạp về bản thể đạo đức và/có tinh thần đạo đức, theo đó, vì bản thể có tuyệt đối tính về độc lập tự tồn nên tinh thần đạo đức phải là tinh thần hiện thực. Hiện thực hóa của tinh thần đạo đức tức hiện thực hóa của đời sống đạo đức, còn được gọi lực lượng đạo đức hay pháp quyền thực định, là gia đình, xã hội dân sự và nhà nước.

kết quả là *tình yêu tự suy tôn thành tinh thần* (mới) có nguyên do từ hình thái hiện tồn cài răng lược quen thuộc này.

Giải thể có tính đạo đức và giải thể tự nhiên (Hegel & Bùi, 1970, p. 536).

Việc sáng tạo nên xã hội dân sự thuộc về thế giới hiện đại, là thế giới lần đầu tiên cho phép mọi sự quy định của ý niệm đạt được những quyền của chúng (Hegel & Bùi, 1970, p. 643). Dân sự trong tiếng Đức là bürgerlich.

Xã hội dân sự tự trị hóa (Hegel & Bùi, 1970, p. 638).

Tính không đảo ngược về mặt lịch sử của tiến trình hiện đại hóa mà kết quả là sự hình thành xã hội dân sự (Hegel & Bùi, 1970, p. 639). Hiện đại và phê phán hiện đại đồng hành với nhau (Hegel & Bùi, 1970, p. 639).

Xã hội dân sự là phóng to của gia đình dân sự.

Do đó một nhà tư tưởng lớn mà tư tưởng có thể không tương xứng với phẩm hạnh, không kể những tật xấu đời thường chẳng đáng kể, điều này không phải lừa đảo thuộc phi pháp tại pháp quyền trừu tượng mà gần với lừa đảo như một hình thức giảm nhẹ của đạo đức giả tại luân lý vì phẩm hạnh được định nghĩa tại đời sống đạo đức.

Của cải vật chất trong nền kinh tế là sự thỏa mãn, thỏa mãn an lạc.

Thế giới có những kẻ vô ý điên khùng không ban hành bộ luật vì trước sau gì nó cũng lỗi thời cũng như có các tên cố tình đần độn không chịu phát triển Mười Điều Răn của Chúa thành bộ luật chi tiết hơn với cần thiết của sự tha hóa như là phát triển.

Cảnh sát: hiện thực hóa sự đồng nhất giữa tính phổ biến và tính đặc thù bằng cách mở rộng toàn bộ phạm vi của tính đặc thù như là một kỳ vọng hợp nhất tương đối với tính phổ quát (Hegel & Bùi, 1970, p. 664).

Hegel tuy tiếp thu lý thuyết bàn tay vô hình của Adam Smith về tự do kinh tế những cũng ý thức khủng hoảng tiềm ẩn ngay bên trong nền kinh tế thị trường thuần túy không có can thiệp của nhà nước (Hegel & Bùi, 1970, p. 666).

Tách động qua lại giữa tự do và ràng buộc (Hegel & Bùi, 1970, p. 666).

Dân đen và giai cấp vô sản, phản phục (Hegel & Bùi, 1970, pp. 667-668), nghịch lý tính nhất thể và tính phản phục. Lập luận không ba phải trừ phi chuyển hàm ngữ của dân đen và giai cấp vô sản thành đa số, không khác gì hơn thu hẹp bất công.

Nhắc lại, học thuyết nhà nước của Hegel quy về sự tự do (Hegel & Bùi, 1970, p. 861) và hiến pháp là thực tại của sự tự do, là ý thể của sự tự do (Hegel & Bùi, 1970, p. 862).

Hegel kiên quyết quân quyền do sinh thể phải có đầu não, nhưng thực chất còn có trí tuệ đám đông mặc dù manh nha từ thời Adam Smith nhưng mãi đến mấy trăm năm sau mới có lý thuyết trí tuệ đám đông, do đó cơ sở của bầu cử là trí tuệ đám đông. Đồng thời sinh thể và hành trình thượng đế không thể bị lướt qua nên phải có tính tối cao (thay mặc khải) của hiến pháp đồng hành với quân quyền biểu tượng. Nghĩa là trí tuệ thượng đế vẫn được tôn trọng cũng như biểu tượng đầu não vẫn còn với trí tuệ đám đông, thay đầu não của một người bằng của nhiều người.

Nửa câu trả lời còn lại, Hegel kiên quyết quân quyền vì lý do đầu não sinh thể để có mối liên kết với thực tại mà nguyên do phải khẳng định ý niệm nhà nước khi tham vọng định nghĩa nhà nước như hiện tồn cuối cùng của đời sống đạo đức, ngược lại hiện tồn càng hợp lý tính với đầu não sinh thể. Tất cả nhấn mạnh vào tính đúng đắn của giới tự nhiên thứ hai, tất cả ý niệm trước có thể hoàn toàn trong giới tự nhiên thứ hai nhưng nhà nước như cái **cơ sở** tối hảo phải liên hệ sinh thể thực tại (giới tự nhiên thứ nhất) để khẳng định tính đúng đắn của mọi ý niệm, tính đúng đắn của giới tự nhiên thứ hai.

Tinh thần thế giới không phải quyền lực quốc vương (Hegel & Bùi, 1970, p. 859).

Quân quyền phải rỗng thành biểu tượng hoặc đặt dưới sự thâu gồm của tòa án (Hegel & Bùi, 1970, p. 870).

Nhà nước với tư cách cá nhân riêng lẻ (Hegel & Bùi, 1970, p. 874).

Bầu cử làm phong phú.

Tinh thần thế giới, quần long vô thủ, quay lại pháp quyền trừu tượng, chưa thể?

Phụ lục 4: nhà nước & tôn giáo

Luận điểm của Hegel về nhà nước và tôn giáo (Hegel & Bùi, 1970, p. 701). Sự phản biện của nhà nước đối với tôn giáo không phải do sự phân biệt vật chất và ý thức như Marx từng nói tôn giáo là liều thuộc phiện, mà đúng hơn do tinh thần trọng điểm của chủ nghĩa duy tâm, tiếp theo đến cội rễ của duy lý (cũng chưa đúng hẳn?).

Thay vì tôn thờ thần linh, Hegel khuyên nên tôn thờ nhà nước (tinh thần) như thần linh trên trần thế (Hegel & Bùi, 1970, p. 726).